



Số: 12...../2025/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 23 tháng 01 năm 2025.
2. Thời gian thử nghiệm: từ ngày 24/01/2025 đến ngày 04/02/2024.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc định kì đợt 1 năm 2025 tại Nhà máy Bà Rịa Gò - Hà Tĩnh.

5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường ☒

Gửi phòng thử nghiệm ☐

6. Vị trí lấy mẫu:

- NT13: Nước thải chưa xử lý (tại bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung), điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}53'38,66''$ (Đ); $18^{\circ}17'41,00''$ (B);

- NT14: Nước thải sau xử lý (tại hồ lấy mẫu quan trắc trước khi xả thải), điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}53'38,33''$ (Đ); $18^{\circ}17'40,41''$ (B);

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				NT13	NT14
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,9	7,5
2	Nhiệt độ ⁽¹⁾	SMEWW 2510B:2017	$^{\circ}\text{C}$	27,8	25,0
3	Độ màu	TCVN 6184:2015	Pt-Co	621	48
4	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	mg/l	372	21,7
5	COD	SMEWW 5120C:2017	mg/l	596	60
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	270	24
7	Amoni ($\text{NH}_4^{+}\text{-N}$)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	111	0,31
8	Tổng Phenol	TCVN 6216: 1996	mg/L	<0,002	<0,002
9	Sunfua (H_2S)	SMEWW 4500-S ² B&D:2017	mg/l	1,41	<0,05
10	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	116	14
11	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	2,062	1,347
12	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	11.000	100
13	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/l	1,06	<0,30

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 2 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Lệ Thúy



Trần Ngọc Sơn